

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai106931722110Số tờ khai đầu tiên / 0693172211

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra3CMã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai3304

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiCHPKVIIIIMã bộ phận xử lý tờ khai00

Ngày đăng ký10/02/2025 15:30:37Ngày thay đổi đăng ký11/02/2025 07:59:49Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Người nhập khẩu

Mã2300220553

TênCông Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bắc Ninh

Mã bưu chính(+84) 43

Địa chỉsố 21 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Tiền Ninh Vệ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Số điện thoại0915668807

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

TênZIAJA LTD. ZAKLAD PRODUKCJI LEKOW SP. Z O.O.

Mã bưu chính

Địa chỉUL. JESIENNA 980-298 GDANSK

Mã nướcPOLAND

Mã nướcPL

Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn

Địa điểm lưu kho03EES06CANG LACH HUYEN HP

Địa điểm dỡ hàngVNCLHCANG LACH HUYEN HP

Địa điểm xếp hàngPLGDNGDANSK

Phương tiện vận chuyển9999WAN HAI 510 V.E185

Ngày hàng đến09/02/2025

Ký hiệu và số hiệu

Ngày được phép nhập kho đầu tiên

Mã văn bản pháp quy khác

Số lượng48PP

Tổng trọng lượng hàng (Gross)22.352,59KGM

Số lượng container2

Số hóa đơnA - 24585-87/24

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành04/12/2024

Phương thức thanh toánKC

Tổng trị giá hóa đơnC - FCA - EUR -186.063,72

Tổng trị giá tính thuế5.620.642.229,486

Tổng hệ số phân bổ trị giá186.063,72 -

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1-2-3-

4-5-

Mã phân loại khai trị giá6

Khai trị giá tổng hợp- -

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyểnB - VND -41.714.589

Phí bảo hiểmA - VND -18.517.076 -

Mã tênMã phân loạiTrị giá khoản điều chỉnhTổng hệ số phân bổ

1C-AD-EUR-500,18

2-- -

3-- -

4-- -

5-- -

Chi tiết khai trị giá

13122024#&.PTTT:T/T.Tổng GTHĐTTNSX= 186,639.72eur.Tổng VC:48,037,700đ.Tổng BH:21,323,901đ.Packing fee: 576eur.NSX.Ziaja Ltd. Zaklad Produkcji Lekow Sp. z o.o.

Tên sắc thuếTổng tiền thuếSố dòng tổng

1NThuế NK308.219.436VND40Tổng tiền thuế phải nộp901.105.603VND

2VThuế GTGT592.886.167VND40Số tiền bảo lãnhVND

3VNDTỷ giá tính thuếEUR-25.838,74

4	VND			-		
5	VND			-		
6	VND	Mã xác định thời hạn nộp thuế	D		Người nộp thuế	1
		Mã lý do đề nghị BP			Phân loại nộp thuế	A
		Tổng số trang của tờ khai	42		Tổng số dòng hàng của tờ khai	40

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

106931722110

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

3C

Mã loại hình

A11 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

3304

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

CHPKVIII

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày đăng ký

10/02/2025 15:30:37

Ngày thay đổi đăng ký

11/02/2025 07:59:49

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Số đính kèm khai báo điện tử

1

ETC - 722287188840

2

-

3

-

Phần ghi chú

CTTCNXX EVFTA mã REX:PLREX390000170128 trênInvoice:24585-87/24 ngày 4/12/24.FOC:2,4,6,8,10,36,38,40

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp			Số quản lý người sử dụng		00008
Phân loại chỉ thị của Hải quan			A		
	Ngày	Tên	Nội dung		
1	10/02/2025	tb	Đề nghị DN khai báo và nộp chứng từ tài liệu theo quy định tại Điều 16 TT 38/2015/TT-BTC được bổ sung tại Điều 1 TT 39/2018/TT-BTC		
2	10/02/2025	tb	đề nghị Dn nộp lệ phí hải quan đối với hàng hóa theo quy định tại Thông tư số 14/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021		
3	/ /				
4	/ /				
5	/ /				
6	/ /				
7	/ /				
8	/ /				
9	/ /				
10	/ /				

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan

CCT CC HQ CK cảng HP KV III

Ngày cấp phép

11/02/2025 17:39:00

Ngày hoàn thành kiểm tra

11/02/2025 17:35:58

Phân loại thẩm tra sau thông quan

Ngày phê duyệt BP

/ /

Ngày hoàn thành kiểm tra BP

/ /

Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu

Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)			
	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~ / /
	2	/ /	~ / /
	3	/ /	~ / /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	106931722110	Số tờ khai đầu tiên	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	3C	Mã loại hình	A11 2 [4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	3304
Ngày đăng ký	10/02/2025 15:30:37	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
		Ngày thay đổi đăng ký	11/02/2025 07:59:49
		Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<01>			
Mã số hàng hóa	34013000	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gi []
Mô tả hàng hóa	Dầu tắm mềm mịn da 270ml/chai Ziaja Med Atopic Skin Dermatological Formula Bath & Shower Oil Softening 270ml, hiệu Ziaja. HSD: 11/2026. Múi: 100%. SCB: 144831/21/CBMP-QLD		

Số của mục khai khoản điều chỉnh	1	Số lượng (1)	10.800	UNA
Trị giá hóa đơn		Số lượng (2)	3.326,4	KGM
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	EUR	UNA
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND	UNA
Thuế suất	C 6,7% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	PL - POLAND - B25	
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác				
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	10%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		